

Số: /KL-STP

Quảng Ngãi, ngày tháng 01 năm 2021

KẾT LUẬN THANH TRA

Việc chấp hành pháp luật về công tác đăng ký, quản lý hộ tịch và công tác chứng thực hợp đồng, giao dịch tại UBND xã Nghĩa An, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi

Căn cứ Luật Thanh tra ngày 15/11/2010, Nghị định số 54/2014/NĐ-CP ngày 29/5/2014 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thanh tra Tư pháp;

Xét Báo cáo số 20/BC-ĐTTr ngày 22/12/2020 của Trưởng Đoàn Thanh tra theo Quyết định số 94/QĐ-STP ngày 21 tháng 10 năm 2020 của Giám đốc Sở pháp về thanh tra chuyên ngành việc chấp hành pháp luật về công tác đăng ký, quản lý hộ tịch và công tác chứng thực hợp đồng, giao dịch tại UBND các xã Nghĩa An, Nghĩa Phú, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi;

Giám đốc Sở Tư pháp kết luận việc chấp hành pháp luật về công tác đăng ký quản lý hộ tịch và công tác chứng thực hợp đồng, giao dịch tại UBND xã Nghĩa An như sau:

I. KHÁI QUÁT VỀ ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH, HOẠT ĐỘNG ĐƠN VỊ

1. Đặc điểm, tình hình đơn vị

Nghĩa An là một xã vùng biển, cách trung tâm thành phố Quảng Ngãi khoảng 11km. Xã có diện tích tự nhiên 333,93 ha, dân số 19.425 người, gồm 4.744 hộ gia đình. Nhân dân chủ yếu sống bằng nghề khai thác hải sản, số còn lại làm dịch vụ, nuôi trồng thủy sản.

Về hoạt động quản lý nhà nước đối với công tác tư pháp - hộ tịch, lãnh đạo UBND xã Nghĩa An đã quan tâm, chỉ đạo, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc công chức tư pháp hộ tịch xã thực hiện tốt các quy định về lĩnh vực tư pháp hộ tịch. Trong đó, công tác tuyên truyền, phổ biến các quy định pháp luật về công tác đăng ký, quản lý hộ tịch và chứng thực hợp đồng, giao dịch được thường xuyên chỉ đạo thực hiện. Trong năm 2019, UBND xã đã ban hành kế hoạch và tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật về hộ tịch, chứng thực tại địa phương. Về việc thực hiện công khai thủ tục hành chính đối với công tác tư pháp hộ tịch, UBND xã Nghĩa An đã niêm yết công khai các thủ tục hành chính về công tác đăng ký hộ tịch và chứng thực hợp đồng, giao dịch tại bộ phận một cửa của UBND xã theo đúng quy định.

Về biên chế tham mưu công tác tư pháp hộ tịch, UBND xã Nghĩa An bố trí 02 công chức có trình độ chuyên môn phù hợp với tiêu chuẩn của công chức tư pháp hộ tịch cấp xã. Về cơ sở vật chất, trang thiết bị làm việc, UBND xã đã trang bị đầy đủ, phục vụ tốt cho nhu cầu của công tác tư pháp - hộ tịch.

2. Kết quả thực hiện

Trong thời kỳ thanh tra, UBND xã Nghĩa An đã thực hiện đăng ký 1.178 sự kiện hộ tịch và chứng thực 52 hợp đồng, giao dịch. Cụ thể:

a) Công tác đăng ký và quản lý hộ tịch

SỰ KIỆN HỘ TỊCH	Năm 2019 <i>(từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2019)</i>	Ghi chú
Đăng ký khai sinh	575	
Trong đó: - Đúng hạn	271	
- Quá hạn	206	
- Đăng ký lại	98	
Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	256	
Đăng ký kết hôn	180	
Đăng ký khai tử	127	
Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch	40	
Tổng cộng	1.178	

b) Công tác chứng thực hợp đồng, giao dịch

LOẠI HỢP ĐỒNG, GIAO DỊCH	Năm 2019 <i>(từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2019)</i>	Ghi chú
Chuyển nhượng	15	
Tặng cho	20	
Thế chấp	0	
Phân chia di sản thừa kế	10	
Vấn bản khai nhận di sản thừa kế	03	
Di chúc	02	
Các loại hợp đồng, giao dịch khác	02	
Tổng cộng	52	

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

Đoàn Thanh tra đã trực tiếp kiểm tra sổ sách và xem xét ngẫu nhiên một số hồ sơ về công tác đăng ký hộ tịch và chứng thực hợp đồng, giao dịch UBND xã Nghĩa An đã thực hiện từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2019, kết quả cụ thể như sau:

1. Ưu điểm

Sử dụng sổ đăng ký hộ tịch và sổ chứng thực hợp đồng, giao dịch theo đúng biểu mẫu quy định; sổ ghi đầy đủ thông tin. Hồ sơ lưu trữ cẩn thận, sắp xếp khoa học, thuận tiện cho quản lý, tra cứu về sau.

2. Tồn tại

2.1. Công tác đăng ký và quản lý hộ tịch

a) Sổ hộ tịch

- Sổ đăng ký khai sinh và Sổ đăng ký kết hôn: Không thực hiện đóng dấu giáp lai, khóa Sổ theo quy định tại Điều 58 Luật Hộ tịch năm 2014, khoản 2 Điều 19, Điều 27 Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch.

- Nhiều trường hợp bỏ trống thông tin trong Sổ hộ tịch:

+ Sổ đăng ký khai sinh, không ghi thông tin họ tên, chức vụ người ký Giấy khai sinh.

+ Sổ đăng ký kết hôn: Bỏ trống thông tin mục họ tên, chức vụ người ký; số đăng ký 27/2019, không ghi giấy tờ tùy thân người chồng; số 162/2019, không ghi thông tin ngày, tháng, năm sinh, dân tộc, quốc tịch của người chồng.

Việc ghi thông tin vào Sổ hộ tịch, phải thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 19 Thông tư số 15/2015/TT-BTP: *“Các cột, mục trong Sổ hộ tịch, giấy tờ hộ tịch phải được ghi đầy đủ, chính xác theo đúng hướng dẫn trong Sổ hộ tịch và Thông tư này”*.

- Sổ đăng ký kết hôn, có 03 trường hợp (các số đăng ký 79, 84, 127/2019) dùng bút tẩy xóa, sửa chữa nội dung thông tin trong Sổ đăng ký kết hôn là không phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 26 Thông tư số 15/2015/TT-BTP: *“Khi đăng ký hộ tịch, nếu có sai sót trong việc ghi nội dung vào Sổ hộ tịch, công chức làm công tác hộ tịch phải gạch bỏ phần sai sót, ghi sang bên cạnh hoặc lên phía trên, không được chữa đè lên chữ cũ, không được tẩy xóa và viết đè lên chỗ đã tẩy xóa. Trường hợp có sai sót bỏ trống trang sổ thì công chức làm công tác hộ tịch phải gạch chéo vào trang bỏ trống. Cột ghi chú của Sổ hộ tịch phải ghi rõ nội dung sửa chữa sai sót; ngày, tháng, năm sửa; công chức làm công tác hộ tịch ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên. Công chức làm công tác hộ tịch có trách nhiệm báo cáo Thủ trưởng cơ quan đăng ký hộ tịch biết về việc sửa chữa sai sót. Thủ trưởng cơ quan đăng ký hộ tịch có trách nhiệm kiểm tra, cho phép đóng dấu xác nhận vào nội dung sửa chữa sai sót. Công chức làm công tác hộ tịch không được tự ý tẩy xóa, sửa chữa, bổ sung làm sai lệch nội dung đã ghi trong Sổ hộ tịch”*.

- Sổ đăng ký khai sinh, có 13 trường hợp, người đi đăng ký khai sinh không ký tên vào Sổ: Các số đăng ký 135, 230, 235, 277, 289, 325, 355, 376, 380, 382, 385, 393, 394/2019. Các trường hợp này, vi phạm thủ tục đăng ký khai sinh quy định tại khoản 2 Điều 16 của Luật Hộ tịch năm 2014: *“Ngay sau khi nhận đủ giấy tờ theo quy định, nếu thấy thông tin khai sinh đầy đủ và phù hợp, công chức tư pháp - hộ tịch ghi nội dung khai sinh vào Sổ hộ tịch. Công chức tư pháp - hộ tịch và người đi đăng ký khai sinh cùng ký tên vào Sổ hộ tịch”*1.

b) Hồ sơ hộ tịch

- Đăng ký khai sinh:

+ 06 trường hợp, đăng ký lại khai sinh, không phù hợp quy định về thủ tục đăng ký lại. Cụ thể: Hồ sơ số 10/2019, chỉ có văn bản trả lời của Công an với nội dung không có tên trong tàng thư hộ khẩu; hồ sơ số 22/2019, chỉ có Sổ hộ khẩu và Giấy chứng nhận bảo hiểm; hồ sơ số 207, 229, 312/2019, chỉ có Sổ hộ khẩu; hồ sơ số 331/2019, chỉ có Giấy chứng nhận nhân khẩu thường trú.

Theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 15/2015/TT-BTP: “*Người yêu cầu đăng ký lại khai sinh phải nộp bản sao Giấy khai sinh do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp (bản sao được công chứng, chứng thực hợp lệ, bản sao được cấp từ Sổ đăng ký khai sinh) hoặc bản chính hoặc bản sao giấy tờ có giá trị thay thế Giấy khai sinh được cấp trước năm 1945 ở miền Bắc và trước năm 1975 ở miền Nam. Trong trường hợp không có các loại giấy tờ trên thì nộp đầy đủ bản sao các giấy tờ như: Giấy chứng minh nhân dân, Thẻ căn cước công dân hoặc Hộ chiếu; Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú, giấy tờ chứng minh về nơi cư trú; Bằng tốt nghiệp, Giấy chứng nhận, Chứng chỉ, Học bạ, Hồ sơ học tập do cơ quan đào tạo, quản lý giáo dục có thẩm quyền cấp hoặc xác nhận; Giấy tờ khác có thông tin về họ, chữ đệm, tên, ngày, tháng, năm sinh của cá nhân; Giấy tờ chứng minh quan hệ cha con, mẹ con (nếu có) và phải cam đoan đã nộp đủ các giấy tờ mình có”.*

+ 03 trường hợp đăng ký lại khai sinh các số 188, 201, 218/2019, không lưu hồ sơ đăng ký lại, không có căn cứ pháp lý đăng ký lại, vi phạm quy định tại Điều 26 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch và Điều 9 Thông tư số 15/2015/TT-BTP.

- Đăng ký kết hôn: Trường hợp số 116/2019, đăng ký kết hôn cho Nguyễn Thị Hương, Phạm Văn Đô; Phạm Văn Đô có hai nơi thường trú là thị trấn Long Điền, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (từ trước năm 2007 đến nay) và xã Nghĩa An, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi (từ năm 2007 đến nay) nhưng hồ sơ không thể hiện thông tin tình trạng hôn nhân của Phạm Văn Đô giai đoạn trước năm 2007.

- Trường hợp số 11, đăng ký ngày 25/02/2019: Cải chính hộ tịch với nội dung là xác định lại giới tính cho Phạm Thị Như Ý. Hồ sơ lưu có Giấy chứng nhận Y tế do Bệnh viện Nhi Đồng 2 cấp, chứng nhận đã can thiệp y tế để xác định lại giới tính đối với Phạm Thị Như Ý (bản chính). Nội dung Giấy chứng nhận đã xác định giới tính của Phạm Thị Như Ý là giới tính nam. UBND xã hướng dẫn làm thủ tục cải chính hộ tịch và ban hành Trích lục cải chính hộ tịch, nội dung cải chính là xác định lại giới tính, vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 3, Điều 30, Điều 31 Luật Hộ tịch năm 2014 và điểm c khoản 6, khoản 8 Điều 19 Thông tư số 15/2015/TT-BTP.

- Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch:

+ 18 trường hợp, bổ sung phần ghi về giấy tờ tùy thân trong Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn và Sổ đăng ký kết hôn nhưng giấy tờ làm căn cứ để bổ sung là Giấy chứng minh nhân dân được cấp sau ngày đăng ký kết hôn. Cụ thể: các số đăng ký từ 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08, 09, 16, 17, 25, 26, 27, 34, 35, 36, 38, 39/2019. Những trường hợp này, UBND xã cần xác minh, tại thời điểm đăng ký kết hôn, Giấy chứng minh nhân dân đã được cấp chưa. Nếu tại thời điểm đăng ký

kết hôn, Giấy chứng minh nhân dân chưa được cấp thì việc bổ sung thông tin về Giấy chứng minh nhân dân trong Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn và Sổ đăng ký kết hôn là không có cơ sở.

+ 01 trường hợp thay đổi hộ tịch nhưng xác định là cải chính hộ tịch: Số 15/2019, thay đổi tên từ Trần Đình Trung thành Trần Đình Huy.

+ 02 trường hợp thay đổi tên, chữ đệm nhưng xác định là cải chính hộ tịch; đồng thời, hồ sơ không có căn cứ để thay đổi hộ tịch. Cụ thể: Các số 23/2019, thay đổi tên và chữ đệm cho Nguyễn Văn Bắc và số 24/2019, thay đổi chữ đệm cho Lê Nguyễn Xuân Bắc. Cả hai trường hợp này, nội dung biên bản họp gia đình đều không thể hiện trùng tên, chữ đệm như thế nào, họ và tên của người là gì, không đủ cơ sở để thay đổi tên, chữ đệm theo quy định tại khoản 1 Điều 26 Luật Hộ tịch năm 2014 và Điều 28 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.2. Công tác chứng thực hợp đồng, giao dịch

a) Sổ chứng thực

- Bìa Sổ, bỏ trống thông tin ngày tháng năm mở sổ. Sổ chứng thực dùng cho các năm 2018, 2019, 2020 nhưng thông tin quyền số ở bìa sổ ghi quyền 01/2018, thông tin quyền số ở trang lời chứng ghi quyền 01/2019. Theo hướng dẫn tại Mục II Phụ lục mẫu lời chứng, mẫu sổ chứng thực được ban hành kèm theo Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch: Thông tin về quyền số phải ghi số quyền, năm thực hiện chứng thực (ví dụ: 01/2019); nếu một năm dùng nhiều sổ thì ghi số thứ tự liên tiếp (ví dụ: 02/2019); trường hợp một sổ sử dụng cho nhiều năm thì ghi số thứ tự theo từng năm (ví dụ: 01/2018 + 01/2019 + 01/2020).

Vì thông tin về quyền số ghi ở bìa sổ chứng thực và ở trang lời chứng không thống nhất nên trong Kết luận này, khi dẫn chứng các trường hợp chứng thực cụ thể sẽ không nêu quyền số mà chỉ nêu số chứng thực và năm thực hiện chứng thực.

- Sổ chứng thực hợp đồng, giao dịch không đóng dấu giáp lai, không khóa sổ, vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP: “*Sổ chứng thực dùng để theo dõi, quản lý các việc đã chứng thực tại cơ quan, tổ chức thực hiện chứng thực. Sổ chứng thực được viết liên tiếp theo thứ tự từng trang không được bỏ trống, phải đóng dấu giáp lai từ trang đầu đến trang cuối sổ và thực hiện theo từng năm. Khi hết năm phải thực hiện khóa sổ và thống kê tổng số việc chứng thực đã thực hiện trong năm; người ký chứng thực xác nhận, ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu*”.

- Có 02 trường hợp chứng thực di chúc nhưng không vào sổ chứng thực hợp đồng, giao dịch; 02 trường hợp này, UBND xã lấy sổ chứng thực riêng: các số 01, 02/2019. Điều này dẫn đến cùng một số chứng thực hợp đồng, giao dịch nhưng có hai hồ sơ hoàn toàn khác nhau. Theo quy định tại khoản 4 Điều 13 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP, mẫu sổ chứng thực ban hành kèm theo Nghị định này bao gồm: Sổ chứng thực bản sao từ bản chính (SCT/BS); Sổ chứng thực chữ ký, chứng thực điểm chỉ (SCT/CK,ĐC); Sổ chứng thực chữ ký người dịch (SCT/CKND); Sổ chứng thực hợp đồng, giao dịch (SCT/HĐ,GD). Như vậy, các

trường hợp chứng thực hợp đồng, giao dịch (kể cả di chúc) đều dùng chung một sổ chứng thực.

b) Hồ sơ chứng thực

- 06 trường hợp, hồ sơ lưu thiếu bản sao Giấy chứng minh nhân dân của người yêu cầu chứng thực. Cụ thể: hồ sơ các số chứng thực 10, 18, 20, 35, 39, 51/2019. Những trường hợp này, vi phạm thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch tại khoản 1 Điều 36 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP: “*Người yêu cầu chứng thực nộp 01 (một) bộ hồ sơ yêu cầu chứng thực, gồm các giấy tờ sau đây:*

a) Dự thảo hợp đồng, giao dịch;

b) Bản sao Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu còn giá trị sử dụng của người yêu cầu chứng thực;

c) Bản sao giấy chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng hoặc bản sao giấy tờ thay thế được pháp luật quy định đối với tài sản mà pháp luật quy định phải đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng trong trường hợp hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản đó; trừ trường hợp người lập di chúc đang bị cái chết đe dọa đến tính mạng”.

- Trường hợp chứng thực số 51/2019, chứng thực hợp đồng chuyển nhượng tàu thuyền nhưng hồ sơ không lưu bản sao giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, không lưu bản sao Giấy chứng minh nhân dân của người yêu cầu chứng thực, vi phạm thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch tại khoản 1 Điều 36 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP.

- Văn bản sửa đổi, bổ sung số 41b/2019, chứng thực bổ sung và sửa đổi văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế số 46/2018 nhưng hồ sơ không lưu văn bản chứng thực số 46/2018, không lưu bản sao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không đảm bảo quy định. Bởi vì, bản chất văn bản sửa đổi, bổ sung số 41b/2019 là bộ phận không tách rời của văn bản phân chia di sản thừa kế số 46/2018. Do vậy, trường hợp chứng thực này, phải lưu văn bản chứng thực số 46/2018 và việc chứng thực chỉ được thực hiện tại cơ quan có thẩm quyền đã chứng thực văn bản phân chia di sản thừa kế số 46/2018 theo quy định tại Điều 38 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP:

“1. Việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực chỉ được thực hiện khi có thỏa thuận bằng văn bản của các bên tham gia hợp đồng, giao dịch.

2. Việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch được thực hiện tại cơ quan đã chứng thực hợp đồng, giao dịch. Trường hợp sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ một phần hoặc toàn bộ di chúc thì có thể chứng thực tại bất kỳ cơ quan có thẩm quyền chứng thực nào; cơ quan đã thực hiện việc sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ một phần hoặc toàn bộ di chúc phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan đã chứng thực trước đây về nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ một phần hoặc toàn bộ di chúc để ghi chú vào sổ chứng thực hợp đồng, giao dịch”.

c) Nội dung, hình thức hợp đồng, giao dịch

- Toàn bộ hợp đồng, văn bản chứng thực có từ hai trang trở lên, người thực hiện chứng thực không ký từng trang hợp đồng. Số 51/2019, người yêu cầu chứng thực không ký từng trang hợp đồng. Theo quy định tại khoản 4 Điều 36 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP: “*Đối với hợp đồng, giao dịch có từ 02 (hai) trang trở lên, thì từng trang phải được đánh số thứ tự, có chữ ký của người yêu cầu chứng thực và người thực hiện chứng thực; số lượng trang và lời chứng được ghi tại trang cuối của hợp đồng, giao dịch*”.

- Một số trường hợp, nội dung trang lời chứng bỏ trống thông tin: Các số 13, 21/2019, bỏ trống thông tin họ tên, chức vụ người ký chứng thực; số 48/2019, bỏ trống ngày tháng năm chứng thực.

- Trường hợp chứng thực các số 184, 213/2019, nội dung lời chứng không đúng theo mẫu lời chứng chứng thực hợp đồng, giao dịch. Theo quy định tại khoản 4 Điều 36 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP: “*Người thực hiện chứng thực ghi lời chứng tương ứng với từng loại hợp đồng, giao dịch theo mẫu quy định; ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu của cơ quan thực hiện chứng thực và ghi vào sổ chứng thực*”.

- Các trường hợp chứng thực số 12, 16, 23/2019, văn bản thỏa thuận có nội dung một trong những người thừa kế từ chối nhận và tặng cho lại phần di sản thừa kế cho người thừa kế khác là không phù hợp quy định pháp luật về dân sự. Bởi vì, việc từ chối nhận di sản thừa kế chỉ thực hiện trong trường hợp người thừa kế không nhận phần di sản thừa kế và khi từ chối nhận thì sẽ không có quyền tặng cho lại phần di sản thừa kế. Trường hợp, người thừa kế tặng cho phần di sản được thừa kế cho người khác thì không ghi là từ chối nhận di sản thừa kế.

- Hai trường hợp, chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế, người tham gia giao dịch là người chưa thành niên nhưng vẫn đứng tên, ký vào văn bản thỏa thuận. Cụ thể: Các số chứng thực 32, 33, chứng thực ngày 05/7/2019, phân chia di sản thừa kế do ông Nguyễn Thanh Trà để lại. Ông Nguyễn Thanh Trà có vợ là bà Trần Thị Thúy và 03 người con là: Nguyễn Trần Huỳnh Như sinh năm 2004, Nguyễn Trần Anh Khoa sinh năm 2010, Nguyễn Trần Anh Đạt sinh năm 2012. 03 người con này đều chưa thành niên nhưng tự mình đứng tên kê khai và ký vào 02 văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế. Nội dung 02 văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế thể hiện: Nguyễn Trần Huỳnh Như, Nguyễn Trần Anh Khoa, Nguyễn Trần Anh Đạt nhường toàn bộ phần tài sản được thừa kế cho mẹ là bà Trần Thị Thúy. Theo quy định tại Điều 21 Bộ luật Dân sự năm 2015:

“1. Người chưa thành niên là người chưa đủ mười tám tuổi.

2. Giao dịch dân sự của người chưa đủ sáu tuổi do người đại diện theo pháp luật của người đó xác lập, thực hiện.

3. Người từ đủ sáu tuổi đến chưa đủ mười lăm tuổi khi xác lập, thực hiện giao dịch dân sự phải được người đại diện theo pháp luật đồng ý, trừ giao dịch dân sự phục vụ nhu cầu sinh hoạt hàng ngày phù hợp với lứa tuổi.

4. Người từ đủ mười lăm tuổi đến chưa đủ mười tám tuổi tự mình xác lập, thực hiện giao dịch dân sự, trừ giao dịch dân sự liên quan đến bất động sản,

động sản phải đăng ký và giao dịch dân sự khác theo quy định của luật phải được người đại diện theo pháp luật đồng ý”.

Theo đó, người chưa đủ mười tám tuổi không tự mình xác lập, thực hiện giao dịch dân sự liên quan đến bất động sản, động sản phải đăng ký mà phải được người đại diện theo pháp luật đồng ý. Theo quy định tại khoản 1 Điều 136 Bộ luật Dân sự năm 2015: Cha, mẹ là người đại diện theo pháp luật đối với con chưa thành niên. Như vậy, người đại diện theo pháp luật của Nguyễn Trần Huỳnh Như, Nguyễn Trần Anh Khoa, Nguyễn Trần Anh Đạt là bà Trần Thị Thúy. Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 3 Điều 141 Bộ luật Dân sự năm 2015: *“Một cá nhân, pháp nhân có thể đại diện cho nhiều cá nhân hoặc pháp nhân khác nhau nhưng không được nhân danh người được đại diện để xác lập, thực hiện giao dịch dân sự với chính mình hoặc với bên thứ ba mà mình cũng là người đại diện của người đó, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác”.* Do đó, bà Trần Thị Thúy là người đại diện theo pháp luật cho Nguyễn Trần Huỳnh Như, Nguyễn Trần Anh Khoa, Nguyễn Trần Anh Đạt để xác lập văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế nhưng nội dung văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế không được nhường lại toàn bộ tài sản cho bà Trần Thị Thúy.

III. NHẬN XÉT, KẾT LUẬN

1. Ưu điểm

Việc thực hiện công tác đăng ký, quản lý hộ tịch và công tác chứng thực hợp đồng, giao dịch tại UBND xã Nghĩa An trong những năm qua đã có nhiều chuyển biến tích cực. Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về hộ tịch và chứng thực được Lãnh đạo UBND xã chỉ đạo thực hiện nghiêm túc; bộ thủ tục hành chính về hộ tịch và chứng thực được niêm yết công khai tại Trụ sở UBND xã; tại địa bàn do UBND xã quản lý, chưa phát sinh trường hợp đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh liên quan đến công tác hộ tịch và chứng thực hợp đồng, giao dịch.

2. Những tồn tại, sai sót

Việc thực hiện công tác đăng ký, quản lý hộ tịch và chứng thực hợp đồng, giao dịch tại UBND xã Nghĩa An, tuy đã đạt được một số mặt tích cực nhưng vẫn một số trường hợp thực hiện chưa đúng với quy định của pháp luật chuyên ngành. Cụ thể:

2.1. Về công tác đăng ký, quản lý hộ tịch

- Sổ hộ tịch không giáp lai, khóa Sổ theo quy định tại Điều 58 Luật Hộ tịch năm 2014, khoản 2 Điều 19, Điều 27 Thông tư số 15/2015/TT-BTP; không ghi đầy đủ thông tin các mục trong Sổ theo quy định tại khoản 5 Điều 19 Thông tư số 15/2015/TT-BTP; một số trường hợp việc sửa chữa nội dung thông tin trong Sổ đăng ký khai sinh không đúng quy định tại khoản 1 Điều 26 Thông tư số 15/2015/TT-BTP; Sổ đăng ký khai sinh còn một số trường hợp không có chữ ký của người đi khai sinh, không phù hợp thủ tục quy định tại khoản 2 Điều 16 Luật Hộ tịch năm 2014.

- Hồ sơ đăng ký lại khai sinh, có 09 trường hợp chưa đảm bảo thủ tục theo quy định tại Điều 26 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP và Điều 9 Thông tư số 15/2015/TT-BTP.

- 02 trường hợp số đăng ký 23, 24, đăng ký ngày 12/4/2019, UBND xã thực hiện thay đổi tên, chữ đệm cho công dân nhưng hồ sơ không đủ cơ sở để thay đổi tên, chữ đệm; không đúng quy định tại khoản 1 Điều 26 Luật Hộ tịch năm 2014 và Điều 28 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Trường hợp đăng ký số 11, đăng ký ngày 25/02/2019, UBND xã hướng dẫn làm thủ tục cải chính hộ tịch và ban hành Trích lục cải chính hộ tịch, nội dung cải chính là xác định lại giới tính, không đảm bảo theo quy định tại khoản 2 Điều 3, Điều 30, Điều 31 Luật Hộ tịch năm 2014 và điểm c khoản 6, khoản 8 Điều 19 Thông tư số 15/2015/TT-BTP.

2.2. Về công tác chứng thực hợp đồng, giao dịch

- Sổ chứng thực hợp đồng, giao dịch không đóng dấu giáp lai, không khóa sổ, không phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP. Thông tin về quyền số ở bìa sổ chứng thực và thông tin về quyền số ở trang lời chứng ghi chưa đúng theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 13 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP và Mục II Phụ lục mẫu lời chứng, mẫu sổ chứng thực được ban hành kèm theo Nghị định số 23/2015/NĐ-CP. 02 trường hợp chứng thực di chúc nhưng không vào Sổ chứng thực hợp đồng, giao dịch.

- Hồ sơ chứng thực, có 06 trường hợp không có bản sao Giấy chứng minh nhân dân của người yêu cầu chứng thực; 01 trường hợp không có bản sao Giấy chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng đối với tài sản là đối tượng của hợp đồng, giao dịch; không đảm bảo theo quy định về thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch tại khoản 1 Điều 36 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP.

- Toàn bộ hợp đồng, giao dịch có từ 02 trang trở lên, không đầy đủ chữ ký từng trang của người yêu cầu chứng thực và người thực hiện chứng thực; 02 trường hợp sử dụng mẫu lời chứng không đúng theo mẫu lời chứng chứng thực hợp đồng, giao dịch; không đúng quy định tại khoản 4 Điều 36 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP.

- Hai trường hợp chứng thực số 32, 33/2019, chứng thực ngày 05/7/2019, phân chia di sản thừa kế do ông Nguyễn Thanh Trà để lại. 03 người con của ông Nguyễn Thanh Trà là: Nguyễn Trần Huỳnh Như sinh năm 2004, Nguyễn Trần Anh Khoa sinh năm 2010, Nguyễn Trần Anh Đạt sinh năm 2012. 03 người con này đều chưa thành niên nhưng tự mình đứng tên kê khai và ký vào 02 văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế; không phù hợp quy định tại Điều 21 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Trách nhiệm tập thể, cá nhân có liên quan

Chủ tịch UBND xã là người có thẩm quyền ký các giấy tờ hộ tịch, chứng thực hợp đồng, giao dịch và chịu trách nhiệm trước pháp luật trong việc thực thi công tác này nhưng chưa thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, nhắc nhở; chưa có biện pháp chỉ đạo sâu sát, chặt chẽ đối với công tác đăng ký, quản lý hộ tịch và công tác chứng thực hợp đồng, giao dịch trên địa bàn xã. Bên cạnh đó, công chức

tư pháp - hộ tịch khi tiếp nhận hồ sơ của công dân, chưa hướng dẫn công dân thực hiện đầy đủ theo đúng quy định pháp luật. Do đó, việc thực hiện công tác đăng ký hộ tịch và chứng thực hợp đồng, giao dịch tại UBND xã Nghĩa An còn một số sai sót như đã nêu trên.

IV. KIẾN NGHỊ

Căn cứ Luật Thanh tra năm 2010 và các văn bản có liên quan, trên cơ sở kết quả thanh tra, xét tính chất và mức độ các sai phạm; Giám đốc Sở Tư pháp kiến nghị một số nội dung sau:

1. UBND xã Nghĩa An

1.1. Lãnh đạo UBND xã Nghĩa An tiếp tục phát huy những kết quả đạt được trong công tác đăng ký, quản lý hộ tịch và công tác chứng thực hợp đồng, giao dịch; đồng thời, nghiêm túc rút kinh nghiệm đối với những tồn tại, sai sót đã nêu tại Mục II, Mục III Kết luận thanh tra; thường xuyên chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc, nhắc nhở công chức tư pháp - hộ tịch trong việc thực hiện công tác này.

Công chức tư pháp - hộ tịch xã cần chủ động, tích cực nghiên cứu các quy định pháp luật về các lĩnh vực được phân công để thực hiện tốt hơn trong việc hướng dẫn, yêu cầu người dân thực hiện quy trình, thủ tục theo đúng quy định pháp luật; từ đó, tham mưu tốt hơn cho Lãnh đạo UBND xã trong hoạt động quản lý nhà nước về công tác tư pháp - hộ tịch.

1.2. Đề nghị Chủ tịch UBND xã chỉ đạo công chức tư pháp - hộ tịch tham mưu khắc phục những tồn tại, sai sót. Cụ thể:

- Công tác đăng ký, quản lý hộ tịch:

+ Thực hiện đóng dấu giáp lai Sổ hộ tịch; bổ sung thông tin vào các trường hợp còn thiếu thông tin trong Sổ (*Sổ đăng ký khai sinh, Sổ đăng ký kết hôn năm 2019*).

+ Bổ sung hồ sơ đăng ký lại khai sinh theo đúng quy định (*09 trường hợp: hồ sơ đăng ký lại khai sinh các số 10, 22, 188, 201, 207, 218, 229, 312, 331/2019*).

+ Bổ sung giấy tờ làm căn cứ thay đổi tên, chữ đệm theo đúng quy định (*hồ sơ đăng ký thay đổi hộ tịch các số 23, 24/2019*).

+ Trường hợp cấp Trích lục cải chính hộ tịch số 11/TLCCHT ngày 25/02/2019 do UBND xã Nghĩa An cấp cho Phạm Thị Như Ý: Sau khi UBND thành phố thu hồi Trích lục cải chính hộ tịch, UBND xã Nghĩa An thực hiện thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc thay đổi hộ tịch cho công dân theo đúng quy định tại khoản 2 Điều 3, Điều 30, Điều 31 Luật Hộ tịch năm 2014 và Điều 21 Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch.

- Công tác chứng thực hợp đồng, giao dịch:

+ Thực hiện đóng dấu giáp lai, khóa Sổ chứng thực hợp đồng, giao dịch sử dụng trong các năm 2018, 2019. Thông tin về quyển sổ ở bìa sổ chứng thực và

thông tin về quyền số ở trang lời chứng ghi theo đúng hướng dẫn tại khoản 2 Điều 13 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP và Mục II Phụ lục mẫu lời chứng, mẫu sổ chứng thực được ban hành kèm theo Nghị định số 23/2015/NĐ-CP.

+ Bổ sung bản sao Giấy chứng minh nhân dân của người yêu cầu chứng thực (*06 hồ sơ chứng thực các số: 10, 18, 20, 35, 39, 51/2019*).

+ Bổ sung bản sao Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá (*hồ sơ chứng thực số 51/2019*).

+ Mẫu lời chứng thực hiện theo đúng mẫu lời chứng chứng thực hợp đồng giao dịch được ban hành kèm theo Nghị định số 23/2015/NĐ-CP; đối với UBND các xã đã thực hiện chứng thực hợp đồng, giao dịch tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông thì mẫu lời chứng được thực hiện theo mẫu lời chứng được ban hành kèm theo Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch.

+ Đối với trường hợp chứng thực 02 văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế số 32, 33/2019, chứng thực ngày 05/7/2019: Yêu cầu UBND xã kiểm tra, xác minh và báo cáo về tình trạng pháp lý của thửa đất số 597, tờ bản đồ số 01 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 04256, số vào sổ BI 063839 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 12/10/2016 và 02 chiếc tàu có số hiệu đăng ký: QNg-92975-TS, QNg-97028-TS để xem xét kiến nghị cơ quan có thẩm quyền biện pháp xử lý phù hợp.

1.3. Về công tác đăng ký, quản lý hộ tịch: Để thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực đăng ký và quản lý hộ tịch ở địa phương, Lãnh đạo và công chức tư pháp hộ tịch UBND xã Nghĩa An cần nghiên cứu, nắm vững các quy định của Luật Hộ tịch năm 2014, Nghị định số 123/2015/NĐ-CP, Thông tư số 04/2020/TT-BTP (*thay thế Thông tư số 15/2015/TT-BTP*) và các văn bản khác có liên quan để giải quyết các yêu cầu của công dân được nhanh chóng, chính xác, đúng quy định của pháp luật.

1.4. Về công tác chứng thực:

- Theo hướng dẫn của Cục Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực - Bộ Tư pháp tại Công văn số 842/HTQTCT-CT ngày 26/5/2016 về việc quán triệt thực hiện một số quy định về chứng thực: Theo quy định tại Điều 35 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP, người yêu cầu chứng thực phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về nội dung, tính hợp pháp của hợp đồng, giao dịch; người thực hiện chứng thực chịu trách nhiệm về thời gian, địa điểm giao kết hợp đồng, giao dịch; năng lực hành vi dân sự, ý chí tự nguyện, chữ ký hoặc điểm chỉ của các bên tham gia hợp đồng, giao dịch. Quy định như vậy không có nghĩa là người thực hiện chứng thực không phải chịu trách nhiệm gì đối với hợp đồng, giao dịch có nội dung trái pháp luật, đạo đức xã hội mà với trách nhiệm của một cán bộ, công chức bắt buộc phải biết để từ chối chứng thực theo quy định tại Khoản 2 Điều 35 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP. Do vậy, để bảo vệ quyền lợi của người dân và bảo đảm thực hiện đúng quy định pháp luật, khi chứng thực hợp đồng giao dịch, Chủ tịch UBND xã Nghĩa An phải xem

xét đến nội dung của hợp đồng, giao dịch, đặc biệt đối với hợp đồng, giao dịch liên quan đến quyền sử dụng đất. Với trách nhiệm là cơ quan quản lý đất đai ở địa phương, Chủ tịch UBND xã cần kiểm tra, xác minh để bảo đảm tính hợp pháp của thửa đất là đối tượng của hợp đồng, giao dịch.

- Khi thực hiện chứng thực hợp đồng giao dịch, tùy vào đối tượng tài sản của hợp đồng, giao dịch, ngoài việc tuân thủ các quy định tại Nghị định số 23/2015/NĐ-CP và Thông tư số 01/2020/TT-BTP; các bên tham gia giao dịch và cơ quan có thẩm quyền chứng thực cần phải tuân thủ các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Luật Đất đai năm 2013, Luật Nhà ở năm 2014 và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

- UBND xã Nghĩa An có trách nhiệm tuyên truyền, phổ biến để người yêu cầu chứng thực nhận thức rõ trách nhiệm đối với nội dung của hợp đồng, giao dịch và hệ quả pháp lý của việc chứng thực hợp đồng, giao dịch. Trường hợp UBND xã phát hiện tài sản là đối tượng của hợp đồng, giao dịch là tài sản bất hợp pháp hoặc đang có tranh chấp, đã hoặc đang là đối tượng của hợp đồng, giao dịch khác thì cơ quan thực hiện chứng thực lập biên bản vi phạm, giữ lại hồ sơ để đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định pháp luật theo Điều 21 Thông tư số 01/2020/TT-BTP.

2. UBND thành phố Quảng Ngãi

- Đề nghị UBND thành phố Quảng Ngãi xem xét thu hồi, hủy bỏ Trích lục cải chính hộ tịch số 11/TLCCHT ngày 25/02/2019 do UBND xã Nghĩa An cấp cho Phạm Thị Như Ý.

- Quan tâm, chỉ đạo Phòng Tư pháp thành phố tăng cường công tác kiểm tra, hướng dẫn, tổ chức tập huấn, bồi dưỡng, hỗ trợ về chuyên môn, nghiệp vụ cho công chức tư pháp hộ tịch cấp xã.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Yêu cầu UBND xã Nghĩa An tổ chức niêm yết công khai Kết luận thanh tra này tại trụ sở làm việc của UBND xã trong 15 ngày liên tục theo quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều 46 Nghị định số 86/2011/NĐ-CP ngày 22/9/2011 của Chính phủ. Trong thời hạn 30 ngày, UBND xã Nghĩa An phải báo cáo kết quả thực hiện Kết luận thanh tra về Sở Tư pháp để theo dõi, kiểm tra, đôn đốc theo quy định tại Nghị định số 33/2015/NĐ-CP ngày 27/3/2015 của Chính phủ.

2. Giao Chánh Thanh tra Sở Tư pháp theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra và báo cáo Giám đốc Sở theo quy định./.

Nơi nhận:

- UBND xã Nghĩa An;
- UBND thành phố Quảng Ngãi;
- Phòng Tư pháp thành phố Quảng Ngãi;
- Thanh tra Bộ Tư pháp;
- Thanh tra tỉnh;
- Lãnh đạo Sở;
- Công TTĐT Sở Tư pháp;
- Lưu: VT, TTr (nttr).

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Trung Tập